TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2024.
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thảo.

2. Ông Phạm Ngạch.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh*** *tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2023/TLST - HNGĐ ngày 13/10/2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-DS ngày 05/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-DS ngày 27/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N; sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đại Lự, xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Bị đơn: Anh Bạch Đình N; sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 11, xã Hòa Hải, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai, tham gia trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn trình bày:

Về tình cảm: Chị Trần Thị N và anh Bạch Đình N đăng ký kết hôn vào 29/3/2021 tại UBND xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào sống tại quận Tân Bình, thành phố Hồ chí Minh, đến tháng 9/2021 do dịch bệnh covits19 nên vợ chồng đã về quê sinh sống và sinh con. Quá trình chung sống chị N phát hiên anh N không chung thủy, có quan hệ với người con gái khác, chị N đã cho anh N cơ hội sữa chữa nhưng vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ được, anh N vẫn không cắt đứt được mối quan hệ với người khác. Từ tháng 3/2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hạnh phúc hôn nhân không thể đạt được nữa

nên chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Bạch Đình N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Bạch Trần An Nhiên, sinh ngày 09/10/2021, con đang do chị Trần Thị N nuôi và yêu cầu được quyền nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án buộc anh Bạch Đình N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bạch Đình N không có bản tự khai vì: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N biết, đã biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, không trực tiếp đến Tòa án để giải quyết vụ án, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ vợ, chồng: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị N, đồng ý cho chị Trần Thị N ly hôn với anh Bạch Đình N.

+ Về con chung: Chị Trần Thị N có nguyện vọng được nuôi con Bạch Trần An Nhiên, sinh ngày 09/10/2021, xét thấy việc chị N yêu cầu được nuôi con là chính đáng và đủ điều kiện về mọi mặt cho con, đối chiếu với quy định tại Điều 58; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Luật HNGĐ, nên giao cháu Bạch Trần An Nhiên cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí buộc nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bạch Đình N có địa chỉ cư trú tại Thôn 11, xã Hòa Hải,

huyện Hương Khê, theo xác nhận về thông tin về nơi cư trú hiện anh Bạch Đình N cư trú cùng với mẹ là bà Trần Thị Mùi, tại Thôn 11, xã Hòa Hải, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tỉnh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê.

[2] Bị đơn anh Bạch Đình N đã biết được Tòa án thụ lý vụ án, nhưng không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn, nên vụ án không thể hòa giải được để các đương sự thỏa thuận được với nhau. Vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử. Tòa án đã triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ một nhưng bị đơn vắng mặt nên hoãn phiên tòa, đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Phiên tòa lần thứ 2 bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị N và anh Bạch Đình N kết hôn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và an N là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thể hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, không đem lại hạnh phúc cho nhau, dẫn đến mâu thuẫn đã trầm trọng nên từ tháng 3/2022 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau, đã cắt đứt mọi quan hệ và không liên lạc với nhau. HĐXX nhận thấy suốt một thời gian dài vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc chị N làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận chị Trần Thị N được ly hôn anh Bạch Đình N.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Bạch Trần An Nhiên, sinh ngày 09/10/2021. Chị Trần Thị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Bạch Trần An Nhiên là chính đáng, đảm bảo đầy đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con sau ly hôn, cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu con Bạch Trần An Nhiên cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Anh N có quyền, N vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình..

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngha được ly hôn với anh Bạch Đình N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Bạch Trần An Nhiên, sinh ngày 09/10/2021 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Bạch Đình N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai số 0007962 ngày 13/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơnvắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Lộc-Lộc Hà;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quốc Thảo ***Phạm Ngạch*** ***Lê Văn Phú***